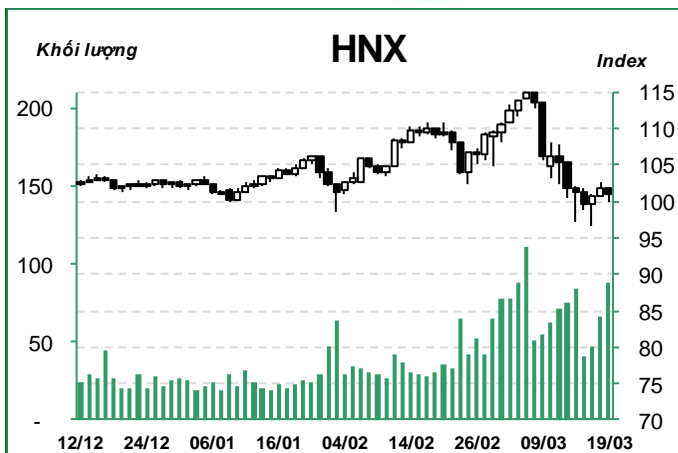
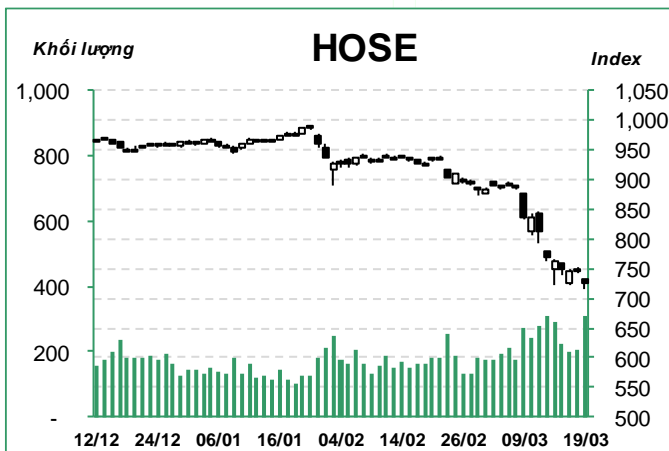


## Tổng quan thị trường

19/03/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>725.94</b>	<b>-2.91%</b>	<b>679.55</b>	<b>-3.01%</b>	<b>100.99</b>	<b>-0.84%</b>
Cuối tuần trước	761.78	-4.70%	716.65	-5.18%	101.38	-0.39%
Trung bình 20 ngày	834.34	-12.99%	790.44	-14.03%	106.81	-5.45%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>353.39</b>	<b>36.43%</b>	<b>81.27</b>	<b>-27.84%</b>	<b>93.93</b>	<b>30.23%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>308.92</b>	<b>50.36%</b>	<b>73.19</b>	<b>-5.48%</b>	<b>87.56</b>	<b>32.58%</b>
Trung bình 20 ngày	216.76	42.52%	77.34	-5.36%	66.58	31.50%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>4,218.01</b>	<b>-1.62%</b>	<b>2,082.27</b>	<b>-24.10%</b>	<b>589.37</b>	<b>2.37%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>3,267.34</b>	<b>12.70%</b>	<b>1,853.09</b>	<b>-1.46%</b>	<b>471.89</b>	<b>-5.99%</b>
Trung bình 20 ngày	3,249.93	0.54%	2,094.50	-11.53%	694.54	-32.06%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	69	16%	1	3%	55	15%
<b>Số mã giảm</b>	313	73%	27	90%	100	27%
<b>Số mã đứng giá</b>	44	10%	2	7%	215	58%



Thị trường chứng khoán Việt Nam giảm điểm trở lại khi nhà đầu tư tiếp tục đón nhận những thông tin thế giới tiêu cực. Với Dow Jones đêm qua đã sụt giảm dưới mốc 20,000 điểm trong khi giá dầu tương lai cũng tiến gần về mốc 20USD/thùng. Ngoài ra, việc chốt hợp đồng phái sinh tháng 3 cũng phần nào ảnh hưởng đến biến động của chỉ số trong phiên hôm nay. Điểm sáng trong phiên hôm nay đến từ việc khối ngoại có động thái mua mạnh đối với chứng chỉ quỹ FUESSVFL vừa được ra mắt của quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD.

VN-Index duy trì sắc đỏ trong toàn bộ phiên giao dịch. Chốt phiên, chỉ số giảm 21.72 điểm xuống mức 725.94 điểm (-2.91%). GTGD khớp lệnh duy trì ở mức 3,267 tỷ đồng (+12.7%), tương đương với 308.9 triệu cổ phiếu (+50.4%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên bán khi chỉ có 69 mã tăng điểm so với 313 mã giảm điểm. Trong khi đó, rổ VN30 chỉ có 1 mã tăng là ROS so với 27 giảm điểm.

Ảnh hưởng nhiều nhất đến chỉ số hôm nay đến từ sụt giảm của các cổ phiếu trụ như Vietcombank-VCB (-4.8%), Vinamilk-VNM (-6.3%), Sabeco-SAB (-6.6%), PV Gas-GAS (-4.7%). Trong khi đó, một số cổ phiếu penny tăng nóng trong thời gian gần đây như AMD, FLC, QCG, HQC cũng bất ngờ bị chốt lời dẫn đến giảm sàn. Ngược lại, Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh-VSH (+6.1%), Điện lực Nhơn Trạch 2-NT2 (+4.7%), Dây cáp điện Việt Nam-CAV (+6.8%), FLC FAROS-ROS (+6.8%) đứng đầu chiều hướng tăng điểm.

Khối ngoại gia tăng bán ròng cổ phiếu trên sàn HOSE đạt giá trị 621.5 tỷ đồng (+12.0%). Tuy nhiên, nếu tính đến lượng chứng chỉ quỹ FUESSVFL được hút ròng hôm nay thì khối ngoại chỉ còn bán ròng 478.3 tỷ đồng. Trong đó, Masan-MSN (-83.2 tỷ), Hòa Phát-HPG (-78.4 tỷ), Vinamilk-VNM (-63.4 tỷ)

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
GAB	1,250.0	178.97
VIC	876.5	76.27
FPT	919.9	47.56
BWE	1,500.0	28.65
MBB	1,487.0	26.25
TCB	1,221.7	22.73
PDR	640.0	16.32
VPB	691.3	14.41
ROS	2,200.0	12.39
HII	990.5	12.38
<b>HNX</b>		
ACB	4,100.0	92.90
IDC	433.0	7.79
SHS	980.0	6.08
TV3	130.0	3.00
VC7	436.8	2.40
VCG	76.2	2.04
SED	90.0	1.41
AMV	90.0	1.22
SJE	23.0	0.41
SDN	6.6	0.20

tiếp tục là những cổ phiếu bị bán ròng đáng chú ý. Ở chiều ngược lại, DV Hàng hóa Sài Gòn-SCS (+2.8 tỷ), Vietinbank-CTG (+1.5 tỷ), Nhà Khang Điền-KDH (+1.2 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng bởi khối ngoại.

Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index đóng cửa tại mức 100.99 điểm (-0.84%). KLGD khớp lệnh đạt 87.6 triệu cổ phiếu (+32.6%), tương đương 471.9 tỷ đồng giá trị (-6.0%).

Nhóm cổ phiếu ngân hàng bao gồm Ngân hàng SHB-SHB (-0.8%), Ngân hàng Á Châu-ACB (-0.5%) và Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-3.4%) cùng với Bảo hiểm PVI-PVI (-7.8%) đứng đầu xu hướng giảm điểm của HNX-Index. Ngược lại, Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (+9.2%), Cảng Hải Phòng-PHP (+4.5%), Chứng khoán MB-MBS (+4.7%) là những cổ phiếu tăng điểm hỗ trợ thị trường.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 20.3 tỷ đồng (-69.7%). Trong đó, áp lực bán đến từ các cổ phiếu Tasco-HUT (-12.7 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-7.0 tỷ), Dệt may TNG-TNG (-1.9 tỷ). Trái lại, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+1.4 tỷ), KLF Global-KLF (+0.8 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+0.4 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán quay trở lại. Không những vậy, xu hướng giảm của chỉ số đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa dưới hầu hết các đường MA quan trọng, từ MA5 tới MA200 ngày, kèm theo chỉ báo ADX đi lên vùng 45 và đường -DI nằm trên +DI, cho tín hiệu xác nhận xu hướng giảm hiện tại. Thêm vào đó, các chỉ báo MACD và RSI đang hướng xuống tiêu cực, cho thấy chỉ số có thể chịu áp lực suy giảm về vùng hỗ trợ tâm lý 700 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số cũng có phiên giảm điểm trở lại và duy trì đóng cửa dưới MA20, kèm theo khối lượng giao dịch gia tăng, cho thấy xu hướng giảm đang tiếp diễn, ngưỡng hỗ trợ gần có thể quanh vùng tâm lý 100 điểm và xa hơn có thể là vùng 95 điểm (đáy tháng 7/2018). Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường vẫn là giảm điểm. Do đó, nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng danh mục ở mức an toàn nhằm tránh những rủi ro bất ngờ từ thị trường.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIS	21.4	0.1	7.0%
CLG	2.5	257.6	7.0%
ABS	13.9	12.8	7.0%
DIC	1.9	274.2	6.9%
CAV	60.9	14.0	6.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VAF	7.4	0.0	-7.0%
PIT	6.1	1.0	-7.0%
HVX	3.5	0.1	-7.0%
RDP	6.8	0.8	-7.0%
LSS	4.0	90.6	-7.0%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	89.0	251.6	-6.3%
AMD	4.8	186.5	-6.9%
MSN	49.2	163.4	-0.4%
HPG	19.2	148.6	-2.8%
HAI	4.5	114.4	-7.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HQC	1.3	36,623.8	-6.5%
AMD	4.8	35,482.4	-6.9%
HAI	4.5	23,292.0	-7.0%
FLC	3.6	19,550.3	-6.9%
DLG	1.8	15,896.8	-6.7%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.5	49.4	25.0%
KHS	11.3	51.6	9.7%
NBP	11.3	2.2	9.7%
VE4	6.8	0.1	9.7%
PCE	5.9	0.1	9.3%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MCO	1.8	2.0	-10.0%
EVS	8.1	1.1	-10.0%
VCM	20.7	0.6	-10.0%
VE3	6.3	0.5	-10.0%
VC2	13.5	0.1	-10.0%

#### Top 5 giá trị

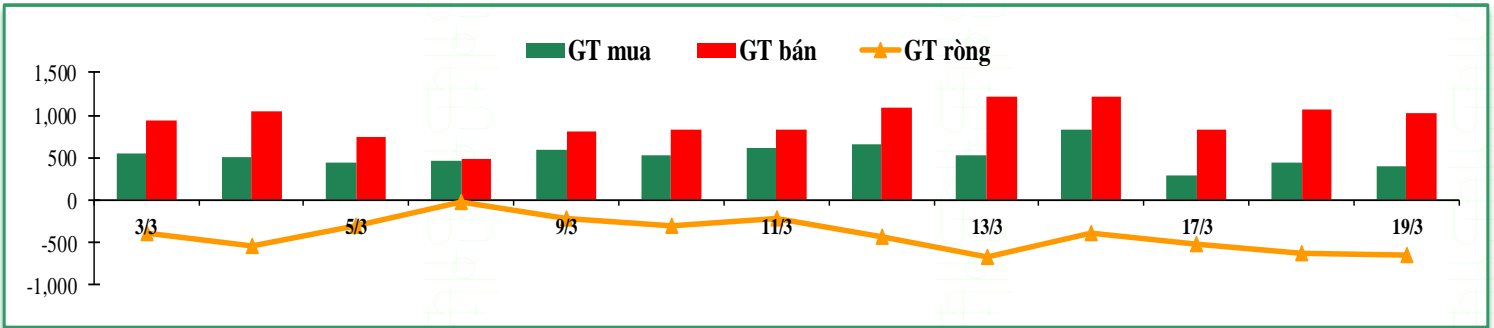
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.1	85.5	-0.5%
KLF	1.9	63.4	-5.0%
SHB	11.8	58.4	-0.8%
PVS	10.4	43.5	-1.9%
ART	3.1	37.4	-8.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KLF	1.9	29,773.5	-5.0%
ART	3.1	10,912.6	-8.8%
HUT	2.0	8,699.7	5.3%
PVX	0.9	6,495.5	0.0%
SHB	11.8	4,986.7	-0.8%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	382.4	11.7%	1,003.9	30.7%	-621.5
HNX	5.5	1.2%	25.7	5.5%	-20.3
<b>Tổng số</b>	<b>387.8</b>		<b>1,029.6</b>		<b>-641.8</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	89.0	115.4	-6.3%
VIC	88.7	87.8	-0.3%
FPT	47.7	44.0	-1.5%
MBB	16.1	24.0	-2.4%
VCB	66.0	20.9	-4.8%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	89.0	178.8	-6.3%
VIC	88.7	128.2	-0.3%
MSN	49.2	85.4	-0.4%
HPG	19.2	80.8	-2.8%
VHM	68.5	63.6	-1.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SCS	100.0	2.8	-3.4%
CTG	20.1	1.5	-4.1%
KDH	21.0	1.2	0.0%
PHR	41.0	0.8	-1.7%
RIC	5.2	0.7	-7.0%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	6.7	2.2	-1.5%
KLF	1.9	0.8	-5.0%
TIG	5.2	0.7	-5.5%
BVS	8.9	0.4	0.0%
WCS	161.2	0.2	-0.3%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HUT	2.0	12.8	5.3%
PVS	10.4	7.0	-1.9%
TNG	12.0	1.9	-5.5%
TIG	5.2	1.7	-5.5%
SHS	6.7	0.8	-1.5%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	6.7	1.4	-1.5%
KLF	1.9	0.8	-5.0%
BVS	8.9	0.4	0.0%
WCS	161.2	0.2	-0.3%
ART	3.1	0.2	-8.8%

## Tin trong nước

### Các ngân hàng vay mượn nhau gần 90.000 tỷ đồng mỗi ngày

Ngân hàng Nhà nước cho biết, theo báo cáo của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh số giao dịch bằng VND trên thị trường liên ngân hàng trong tuần đến 13/3 đạt xấp xỉ 281.787 tỷ đồng, bình quân 56.357 tỷ đồng/ngày, giảm 5.645 tỷ đồng/ngày so với tuần 2-6/3, doanh số giao dịch bằng USD quy đổi ra VND trong tuần đạt khoảng 162.132 tỷ đồng, bình quân 32.426 tỷ đồng/ngày, tăng 3.072 tỷ đồng/ngày so với tuần trước đó.

Như vậy bình quân mỗi ngày trong tuần vừa qua, các tổ chức tín dụng vay mượn nhau gần 87.000 tỷ đồng.

Theo kỳ hạn, các giao dịch VND chủ yếu tập trung vào kỳ hạn qua đêm (65% tổng doanh số giao dịch) và kỳ hạn 1 tuần (16% tổng doanh số giao dịch). Đối với giao dịch USD, các kỳ hạn có doanh số lớn nhất là kỳ hạn qua đêm và 1 tuần với tỷ trọng lần lượt là 69% và 13%.

Về lãi suất, đối với các giao dịch bằng VND, so với tuần trước, lãi suất bình quân liên ngân hàng trong tuần có xu hướng tăng nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn, trừ các kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng lãi suất có xu hướng giảm nhẹ, dao động từ 2,37% đến 2,79%/năm cho các kỳ hạn dưới 1 tháng còn kỳ hạn dài cao nhất là 5,64% ở kỳ hạn 9 tháng.

Đối với các giao dịch USD, lãi suất bình quân liên ngân hàng trong tuần giảm ở hầu hết các kỳ hạn so với tuần trước với dải lãi suất từ 1,18% đến 1,26%/năm cho kỳ hạn 1 tháng.

### Sáng 19/3, giá USD tiếp tục tăng vọt, trên "chợ đen" đã vượt 23.500 đồng

Trong vòng 2 ngày, giá USD tại các ngân hàng đã tăng hơn 100 đồng, trong khi đó thị trường tự do còn tăng mạnh hơn, tới hơn 300 đồng.

Tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố hôm nay (19/3) đứng ở mức 23.242 đồng, tăng mạnh 10 đồng so với hôm qua. Kể từ đầu tuần, tỷ giá trung tâm đã tăng 30 đồng.

Tại các ngân hàng, giá mua – bán USD sau khi tăng 50 đồng trong ngày hôm qua, sáng nay tiếp tục tăng mạnh. Hiện giá USD chiều bán đã vượt mức 23.400 đồng.

Cụ thể, Vietcombank hiện niêm yết ở mức 23.240-23.410 đồng, tăng 40 đồng so với hôm qua và tăng 100 đồng trong 2 ngày. Techcombank tiếp tục tăng 72 đồng lên 23.280-23.440 đồng.

Trên thị trường "chợ đen", giá USD tự do còn bật tăng mạnh hơn, hiện niêm yết 23.450-23.550 đồng, tăng 200 đồng so với hôm qua và tăng tổng cộng 300 đồng trong 2 ngày.

Giá USD trong nước bật tăng trong bối cảnh đồng bạc xanh không ngừng mạnh lên trên thế giới. Sáng nay, chỉ số US Dollar Index đo lường sức mạnh đồng bạc xanh với 6 đồng tiền chủ chốt đã chính thức vượt mốc 100 điểm.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Đạm Cà Mau ước lãi 2 tháng gần 35 tỷ đồng, thực hiện 69% kế hoạch năm**

Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (HoSE: DCM) công bố sản lượng ure 2 tháng đầu năm đạt 157.000 tấn, tương đương với 20% kế hoạch năm và lợi nhuận đạt 34,73 tỷ đồng, hoàn thành 69% kế hoạch năm.

Mới đây công ty đã đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2020 với mục tiêu doanh thu 7.956 tỷ đồng, tăng 1.000 tỷ so với năm trước. Kế hoạch lãi sau thuế giảm 88% về mức 50,4 tỷ đồng, ứng với kịch bản giá dầu 60USD/thùng. Đây cũng là kế hoạch kinh doanh thấp nhất kể từ khi niêm yết, khi trước đó công ty đặt mục tiêu lợi nhuận trên 600 tỷ đồng giai đoạn 2016-2018 và năm 2019 hạ xuống 240 tỷ đồng.

### **Đường Quảng Ngãi đặt kế hoạch lợi nhuận giảm 29%**

Tại ĐHQĐ thường niên năm 2020, HĐQT Công ty Đường Quảng Ngãi (UPCoM: QNS) sẽ trình cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2020. Cụ thể, chỉ tiêu doanh thu là 8.400 tỷ đồng, tăng 9% thực hiện năm 2019. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 913 tỷ đồng, giảm 29%.

Đường Quảng Ngãi là doanh nghiệp có truyền thống đặt kế hoạch lợi nhuận thấp so với mức thực hiện. Năm 2018, công ty chỉ đưa ra phương án lãi 194 tỷ đồng nhưng thực tế thực hiện hơn 1.240 tỷ đồng. Năm 2019, lợi nhuận vượt xa kế hoạch đề ra, gấp 6,5 lần.

Cổ tức năm 2020 dự kiến không thấp hơn 15%. Cổ tức năm 2019 chốt 30% bằng tiền mặt. Công ty đã thực hiện chi trả 5% vào tháng 9/2019, 10% vào tháng 3. Đợt chi trả 15% còn lại vào ngày 8/5 với ngày đăng ký cuối cùng là 17/4.

Năm 2019, công ty ghi nhận doanh thu đạt 7.680 tỷ đồng, giảm hơn 4% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng hơn 4%, đạt gần 1.292 tỷ đồng.

### **REE đặt chỉ tiêu lãi năm 2020 giảm 6%**

Theo báo cáo thường niên năm 2019, Công ty Cơ điện lạnh (HoSE: REE) đặt kế hoạch doanh thu 5.965 tỷ đồng, tăng 22% so với mức thực hiện năm 2019. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 1.620 tỷ đồng, giảm 6% do lợi nhuận từ cơ sở hạ tầng điện, nước dự kiến giảm 19% so với năm 2019.

Đối với từng lĩnh vực riêng lẻ, cơ điện lạnh dự kiến chiếm 64% doanh thu, tương đương 3.820 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 267 tỷ đồng, tăng 8,8%.

Về hoạt động cho thuê văn phòng, REE đặt kế hoạch thu về 937 tỷ đồng doanh thu và 451 tỷ đồng lợi nhuận. Cuối năm 2020, REE sẽ hoàn thành thủ tục pháp lý và đầu năm 2021 sẽ khởi công xây dựng tòa nhà E.town 6, quy mô 7 tầng hầm 16 tầng cao. Tổng diện tích xây dựng 88.000 m2 tại E.town Cộng Hòa. Công trình này dự kiến hoàn thành vào năm 2023, bổ sung khoảng 35.000 m2 văn phòng.

Mảng cơ sở hạ tầng điện và nước của REE dự kiến dẫn đầu về lợi nhuận với 794 tỷ đồng, trong khi, chỉ tiêu doanh thu là 1.135 tỷ đồng. Trong khi 3 lĩnh vực kinh doanh còn lại đều đạt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận tăng thì cơ sở hạ tầng điện nước duy trì mức tăng doanh thu 44% còn lợi nhuận giảm 19%. Trong năm 2020, công ty tiếp tục cơ cấu lại danh mục đầu tư ngành điện và nước nhằm thoái vốn hiệu quả và tập trung vào những dự án hạ tầng quan trọng.

Chỉ tiêu cho lĩnh vực bất động sản khiêm tốn hơn với doanh thu 73 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 108 tỷ đồng.

Trong 5 năm tới, công ty tập trung vào mảng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và nước sạch. Cụ thể, REE đặt mục tiêu vượt mốc 1.000 MW năng lượng tái tạo (hiện tại là 515 MW), công suất sản xuất nước sạch 1 triệu m3/ngày (hiện tại là 500.000 m3/ngày). Đối với lĩnh vực cho thuê văn phòng, công ty dự kiến tăng gấp đôi 150.000m2 diện tích cho thuê hiện tại và thiết lập sự hiện diện tại các thị trường dân cư, thương mại tại các tỉnh, thành chọn lọc.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VRE	Mua	20/3/2020	21.9	21.9	0.0%	24.0	10%	20.5	-6%	Tín hiệu phục hồi từ vùng quá bán

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SZL	Mua	19/3/2020	31.00	32.70	-5.2%	36.5	12%	30.0	-8%	
2	DRC	Mua	18/3/2020	17.75	18.60	-4.6%	20.9	12%	17.3	-7%	
3	PVS	Mua	17/3/2020	10.40	10.80	-3.7%	13.0	20%	9.9	-8%	
4	DGC	Mua	17/3/2020	22.50	22.80	-1.3%	27.0	18%	21.0	-8%	
5	SZC	Mua	16/3/2020	14.30	14.10	1.4%	16.0	13%	13.2	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 19/03/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**)(VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CDPM2001	1,000	330	13.79 %	-67%	34,960	92	12,050	1	(329)	KIS	DPM	14,567	2	19/06/2020
CDPM2002	1,700	1,700	9.68 %	0%	1,100	272	12,050	252	(1,448)	KIS	DPM	15,252	1	16/12/2020
CFPT1905	9,900	580	-31.76 %	-94%	3,676	34	47,700	0	(580)	SSI	FPT	55,000	1	22/04/2020
CFPT1906	1,700	60	-25 %	-96%	30,579	20	47,700	(0)	(60)	HSC	FPT	57,000	5	08/04/2020
CFPT1908	3,150	800	-11.11 %	-75%	11,568	90	47,700	8	(792)	MBS	FPT	54,000	3	17/06/2020
CFPT2001	1,600	400	-16.67 %	-75%	2,811	95	47,700	1	(399)	HCM	FPT	56,000	5	22/06/2020
CFPT2002	2,900	700	0 %	-76%	711	125	47,700	8	(692)	VCI	FPT	58,000	2	22/07/2020
CGMD1901	1,680	40	0 %	-98%	1,506	40	16,900	(0)	(40)	MBS	GMD	24,929	3	28/04/2020
CGMD2001	1,000	60	0 %	-94%	31,726	95	16,900	0	(60)	HCM	GMD	25,000	4	22/06/2020
CHDB2001	2,000	210	-41.67 %	-90%	4,319	92	20,900	0	(210)	KIS	HDB	29,099	2	19/06/2020
CHDB2002	1,950	140	-44 %	-93%	7,002	22	20,900	(0)	(140)	MBS	HDB	26,000	2	10/04/2020
CHDB2003	2,700	730	-26.26 %	-73%	379	272	20,900	7	(723)	KIS	HDB	32,123	2	16/12/2020
CHPG1907	4,200	510	-31.08 %	-88%	13,379	34	19,150	0	(510)	SSI	HPG	21,000	1	22/04/2020
CHPG1909	1,800	200	-20 %	-89%	15,562	57	19,150	0	(200)	KIS	HPG	24,680	2	15/05/2020
CHPG2001	1,800	460	-8 %	-74%	4,981	103	19,150	1	(459)	HCM	HPG	24,000	2	30/06/2020
CHPG2002	1,700	710	-13.41 %	-58%	1,800	272	19,150	16	(694)	KIS	HPG	29,999	2	16/12/2020
CHPG2003	1,570	250	-26.47 %	-84%	37,855	46	19,150	0	(250)	MBS	HPG	22,100	3	04/05/2020
CMBB1903	4,000	190	-5 %	-95%	2,426	34	16,100	(0)	(190)	SSI	MBB	22,000	1	22/04/2020
CMBB1905	1,700	30	-25 %	-98%	25,550	20	16,100	(0)	(30)	HSC	MBB	23,000	2	08/04/2020
CMBB2001	1,600	230	-14.81 %	-86%	19,218	95	16,100	0	(230)	HCM	MBB	21,000	2	22/06/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMSN1902	3,000	40	-71.43 %	-99%	106	57	49,200	(0)	(40)	KIS	MSN	77,889	5	15/05/2020
CMSN2001	2,300	1,200	-6.98 %	-48%	4,363	272	49,200	128	(1,072)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMWG1907	1,900	40	-20 %	-98%	10,782	20	75,600	-	(40)	HSC	MWG	125,000	10	08/04/2020
CMWG2001	1,700	90	-25 %	-95%	2,732	95	75,600	0	(90)	HCM	MWG	115,000	10	22/06/2020
CMWG2002	1,950	150	-31.82 %	-92%	5,868	113	75,600	0	(150)	MBS	MWG	110,000	10	10/07/2020
CMWG2003	1,530	50	-28.57 %	-97%	31,086	36	75,600	(0)	(50)	MBS	MWG	114,500	10	24/04/2020
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	272	51,000	62	62	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CPNJ2001	2,200	150	-6.25 %	-93%	1,895	36	54,400	(0)	(150)	MBS	PNJ	83,500	5	24/04/2020
CREE1903	7,600	510	-22.73 %	-93%	11	34	29,800	0	(510)	SSI	REE	36,000	1	22/04/2020
CREE1905	2,150	600	-14.29 %	-72%	1,228	90	29,800	2	(598)	MBS	REE	34,600	3	17/06/2020
CREE2001	1,100	-	0 %	-100%	-	95	29,800	0	0	HCM	REE	36,000	5	22/06/2020
CROS2001	1,500	70	-22.22 %	-95%	102,358	92	5,630	(0)	(70)	KIS	ROS	26,468	4	19/06/2020
CSBT2001	2,900	1,430	-8.33 %	-51%	1,000	272	14,950	3	(1,427)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2001	1,500	870	-17.92 %	-42%	26,319	90	9,750	3	(867)	KIS	STB	10,999	1	17/06/2020
CSTB2002	1,700	1,640	-10.38 %	-4%	4,425	272	9,750	116	(1,524)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CTCB1902	5,300	690	-1.43 %	-87%	134	78	17,250	0	(690)	VND	TCB	21,000	1	05/06/2020
CTCB2001	1,700	180	-10 %	-89%	5,572	95	17,250	0	(180)	HCM	TCB	23,000	2	22/06/2020
CVHM1902	18,600	290	-27.5 %	-98%	16,492	34	68,500	(0)	(290)	SSI	VHM	85,000	1	22/04/2020
CVHM2001	3,100	-	0 %	-100%	-	272	68,500	45	45	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVIC1902	22,700	160	-15.79 %	-99%	15,523	34	88,700	(0)	(160)	SSI	VIC	115,000	1	22/04/2020
CVIC1903	2,100	100	-9.09 %	-95%	24,312	57	88,700	0	(100)	KIS	VIC	123,000	10	15/05/2020
CVIC2001	3,800	-	0 %	-100%	-	272	88,700	1	1	KIS	VIC	126,468	5	16/12/2020
CVJC1902	27,900	140	-50 %	-99%	6,863	34	98,000	(0)	(140)	SSI	VJC	130,000	1	22/04/2020
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	272	98,000	0	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVNM1902	1,900	20	-33.33 %	-99%	116	7	89,000	-	(20)	HSC	VNM	133,333	10	26/03/2020
CVNM1903	26,600	210	-58 %	-99%	2,056	34	89,000	(0)	(210)	SSI	VNM	120,000	1	22/04/2020
CVNM1904	1,900	40	0 %	-98%	56,301	20	89,000	(0)	(40)	HSC	VNM	133,000	10	08/04/2020
CVNM1905	2,500	30	-50 %	-99%	5,000	40	89,000	(0)	(30)	MBS	VNM	126,800	10	28/04/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2001	1,700	330	0 %	-81%	518	95	89,000	0	(330)	HCM	VNM	118,983	10	22/06/2020
CVNM2002	3,200	950	-24.6 %	-70%	800	272	89,000	2	(948)	KIS	VNM	141,111	5	16/12/2020
CVPB2001	1,500	1,700	-8.110001 %	13%	973	95	20,800	593	(1,107)	HCM	VPB	20,000	2	22/06/2020
CVPB2002	1,000	800	-2.44 %	-20%	1,337	20	20,800	278	(522)	VPBS	VPB	20,300	2	08/04/2020
CVPB2003	2,200	3,670	0 %	67%	521	125	20,800	332	(3,338)	VCI	VPB	22,000	1	22/07/2020
CVRE1902	1,300	40	0 %	-97%	7,516	20	21,900	(0)	(40)	HSC	VRE	32,500	4	08/04/2020
CVRE1903	2,700	90	12.5 %	-97%	27,154	57	21,900	(0)	(90)	KIS	VRE	35,789	2	15/05/2020
CVRE2001	1,500	200	-28.57 %	-87%	5,000	(65)	21,900	(3,805)	(4,005)	KIS	VRE	36,789	4	14/01/2020
CVRE2002	1,400	140	-17.65 %	-90%	106	95	21,900	0	(140)	HCM	VRE	32,000	4	22/06/2020
CVRE2003	3,000	-	0 %	-100%	-	272	21,900	1	1	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">DXG</a> (New)	HOSE	10,650	15,970	18/03/2020	1,283	2,817	18,715	11%	5%	4.8	0.9	-
<a href="#">MSN</a> (New)	HOSE	49,200	69,980	18/03/2020	3,355	2,870	47,428	7%	3%	23.7	1.4	-
<a href="#">POW</a> (New)	HOSE	8,470	16,100	13/03/2020	3,529	1,294	14,126	11%	7%	12.4	1.1	0%
<a href="#">HVN</a> (New)	HOSE	19,900	21,300	13/03/2020	1,558	950	13,139	8%	2%	22.4	1.6	3%
<a href="#">TCB</a>	HOSE	17,250	24,500	12/03/2020	12,047	3,442	20,737	15%	3%	7.2	1.2	0%
<a href="#">FPT</a>	HOSE	47,700	52,300	11/03/2020	4,444	4,832	17,843	24%	12%	11.0	2.9	20%
<a href="#">ACB</a>	HNX	21,100	27,100	02/03/2020	6,796	4,206	19,672	25%	2%	6.4	1.4	10%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	21,000	35,560	28/02/2020	1,108	4,261	24,839	18%	11%	6.1	1.0	1%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	19,150	24,000	27/02/2020	6,696	2,400	19,514	12%	6%	10.0	1.2	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	75,600	128,200	27/02/2020	4,835	10,664	35,484	30%	10%	12.0	3.6	15%
<a href="#">VJC</a>	HOSE	98,000	120,000	18/02/2020	4,524	8,293	34,498	24%	7%	14.3	3.4	10%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	19,400	31,500	13/02/2020	202	4,837	26,814	18%	6%	6.5	1.2	5%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	54,400	99,800	04/02/2020	1,492	6,624	24,291	27%	15%	15.1	4.1	8%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	20,800	27,500	16/01/2020	7,785	3,077	16,496	20%	2%	N/A	N/A	0%
<a href="#">TNG</a>	HNX	12,000	18,400	15/01/2020	237	3,801	17,718	22%	8%	3.9	0.8	20%
<a href="#">VNM</a>	HOSE	89,000	136,700	30/12/2019	10,682	5,865	16,278	40%	24%	20.7	7.4	50%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	51,000	64,475	27/12/2019	3,309	3,154	22,311	14%	5%	17.7	2.4	0%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	66,000	96,200	18/12/2019	19,925	5,372	23,779	26%	2%	7.4	1.8	0%
<a href="#">SBT</a>	HOSE	14,950	19,660	11/12/2019	399	656	12,339	5%	2%	30.0	1.6	6%
<a href="#">GEG</a>	HOSE	20,550	N/A	05/12/2019	267	1,060	11,512	10%	4%	N/A	N/A	7%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2019 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.